

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định tạm thời khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà  
trên địa bàn tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 57/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; và căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Căn cứ văn bản số 12425/BTC-QLG ngày 07/9/2016 của Bộ Tài chính về việc xây dựng, thẩm định và ban hành giá dịch vụ quy định tại Luật phí và Lệ phí;

Căn cứ Công văn số 3948/UBND-KT ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh về việc xây dựng, thẩm định và ban hành giá dịch vụ quy định tại Luật phí và lệ phí;

Xét đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại tờ trình số 3137/TTr-SGTVT ngày 30/12/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này quy định tạm thời khung giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Long An.

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng liên quan hướng dẫn việc tổ chức thu giá dịch vụ trên địa bàn tỉnh; kiểm tra chế độ thu, nộp và sử dụng theo quy định hiện hành.

- Đối với đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác là đơn vị sự nghiệp công lập: thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn hiện hành có liên quan.

- Đối với đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác là doanh nghiệp: thực hiện quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn hiện hành có liên quan.

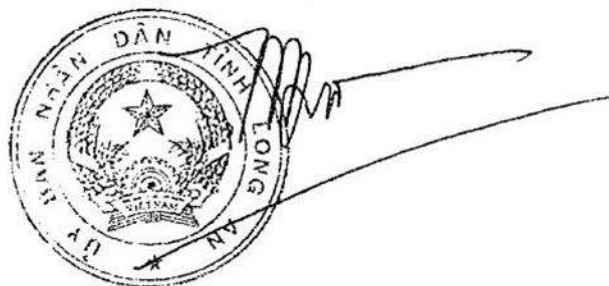
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017. Khi có hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải, giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá mới, trình UBND tỉnh phê duyệt.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
  - Bộ Tài chính; ✓
  - Bộ Giao thông vận tải;
  - TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
  - CT, PCT.UBND tỉnh(KT);
  - TT.UBMTTQ và các ĐT tỉnh;
  - Công Thông tin điện tử tỉnh;
  - Phòng KT<sub>1</sub>;
  - Lưu: VT, Ngan.
- PD-SGT-GIA SU DUNG DO, PHA

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đước**

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI KHUNG GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐÒ, PHÀ  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN**

*(Đính kèm Quyết định số 5617/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của  
UBND tỉnh)*

đvt: đồng

TT	Danh mục dịch vụ	Khung giá	
1	<b>Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý</b>		
	Người đi bộ	1.000 - 2.000	
	Người và xe đạp, xe đạp điện	2.000 - 3.000	
	Người và xe mô tô, xe máy	3.000 - 4.000	
	Người và xe ba bánh có gắn động cơ	4.000 - 6.000	
	Ô tô 4 đến 6 chỗ	23.000 - 35.000	
	Ô tô 7 đến 15 chỗ	28.000 - 45.000	
	Ô tô 16 đến 30 chỗ	39.000 - 65.000	
	Ô tô 31 chỗ trở lên	61.000 - 100.000	
	Xe tải từ 3,5 tấn trở xuống	39.000 - 65.000	
	Xe tải trên 3,5 tấn	61.000 - 100.000	
	Xe cơ giới thi công đường bộ	61.000 - 100.000	
	2	<b>Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý</b>	
		Người đi bộ	1.000 - 2.000
Người và xe đạp, xe đạp điện		2.000 - 3.000	
Người và xe mô tô, xe máy		3.000 - 4.000	
Người và xe ba bánh có gắn động cơ		4.000 - 6.000	
Ô tô 4 đến 6 chỗ		23.000 - 35.000	
Ô tô 7 đến 15 chỗ		28.000 - 45.000	
Ô tô 16 đến 30 chỗ		39.000 - 65.000	
Ô tô 31 chỗ trở lên		61.000 - 100.000	
Xe tải từ 3,5 tấn trở xuống		39.000 - 65.000	
Xe tải trên 3,5 tấn		61.000 - 100.000	
Xe cơ giới thi công đường bộ		61.000 - 100.000	